TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 05/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ – TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đỗ Trung Tuân, Cán bộ hưu trí ở thị trấn kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Minh, Phó Bí thư Huyện Đoàn Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện VKSND huyện Lệ Thuỷ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 07/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 21/3/2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, tên gọi khác: L, sinh ngày 11/4/2001, tính đến ngày thực hiện hành phạm tội bị cáo 16 tuổi 07 tháng 01 ngày; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc H, sinh năm 1974 và bà Trương Thị H, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thanh D, tên gọi khác: C, sinh ngày 10/01/2001, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 10 tháng 7 ngày; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Học sinh, trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thanh L, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn H: Bà Trương Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm 3, thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Cán bộ ngành y tế, là mẹ của bị cáo, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Thanh D: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 4, thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng, là mẹ của bị cáo, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D: Ông Hoàng Minh T, Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người bị hại*:

+Anh Nguyễn Quang H, sinh ngày 17/9/2001; nơi cư trú: Đội 5, thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Bà Đào Thị Ng, sinh ngày 08/5/1972, nơi cư trú: Đội 5, thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Ông Võ Như X, sinh ngày 20/10/1976; nơi cư trú: Xóm 2, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị N, sinh ngày 20/10/1977; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm 8, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/11/1974; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 26/6/2000, nơi cư trú: Xóm 1, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2002; nơi cư trú: Xóm 4, thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Quang H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T*: Ông Nguyễn Cao C, Bí thư Đoàn trường THPT K, huyện L, vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 12/11/2017, Trần Văn H đi bộ ngang qua nhà chị Đào Thị Ng ở Đội 5, thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, thấy cửa mở không có người ở nhà liền đi vào trong nhà, thấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy, loại J2 Prinme để trên bàn ở phòng khách, H lấy trộm bỏ vào túi quần rồi đi về nhà. Ngày 13/11/2017, H đưa điện thoại trộm được đến quán X ở thị trấn K cầm cố cho chị Trần Thị N với giá 400.000 đồng.

Hội đồng định giá tài sản huyện L tiến hành định giá và kết luận điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy do H trộm cắp có giá trị 2.200.000 đồng.

Ngoài ra, Trần Văn H cùng Võ Thanh D thực hiện hai lần trộm cắp tài sản:

Lần thứ nhất: Vào tối 16/11/2017, Trần Văn H rủ Võ Thanh D đi trộm cắp xe máy điện của Nguyễn Quang H, học sinh lớp 11A4 trường THPT K, huyện L, D đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 17/11/2017, D điều khiển xe máy điện biển kiểm soát(BKS)73MĐ8- 008.89 chở H đến cổng làng Đ, xã P thì dừng lại. D xuống xe còn H điều khiển xe của D đi gặp Nguyễn Quang H và rủ Nguyễn Quang H đi chơi. H bảo

Nguyễn Quang H gửi xe máy điện BKS 73MĐ8-009.14 ở nhà chị Phạm Thị L (tên gọi khác là B) ở thôn T, xã P, huyện L để H chở Nguyễn Quang H xuống thôn A chơi. Sau đó H gọi điện báo cho D biết là đã chở Nguyễn Quang H đi chơi, Nguyễn Quang H đang gửi xe máy điện tại nhà của chị L. Khoảng 14 giờ cùng ngày, D vào nhà chị L dùng chìa khóa xe máy điện của D mở khóa xe máy điện của Nguyễn Quang H rồi điều khiển ra đường 30 thuộc thôn Đ, xã P và gọi điện thông báo với H đã lấy trộm được xe máy điện. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H giả vờ nói với Nguyễn Quang H, bà ngoại bị ốm nên chở Nguyễn Quang H đến cổng làng Đ, xã P. Sau đó H đi đến đường 30 gặp D, cả hai đưa xe máy điện BKS 73MĐ8-009.14 cầm cố cho chị Nguyễn Thị Thu H ở thôn M, xã H, huyện L với giá 1.500.000đồng. H lấy tiền và đưa cho D 800.000đồng, số tiền còn lại H giữ.

Hội đồng định giá tài sản huyện L tiến hành định giá và kết luận: Xe máy điện nhãn hiệu ESPERO XMEM, biển kiểm soát 73MĐ8- 009.14 do H và D trộm cắp có giá trị 10.500.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/11/2017, Võ Thanh D điều khiển xe máy 73MĐ8- 008.89 chở Trần Văn H đến Trung tâm Văn hóa huyện L chơi. Khi đi ngang qua nhà anh Võ Như X ở thôn Đ, xã P, huyện L, H thấy nhà mở cửa trên bàn ở phòng khách có máy tính xách tay nên H nảy sinh ý định trộm cắp. H bảo D dừng lại và đứng ngoài canh gác. H trèo tường vào nhà và lấy trộm máy tính xách tay hiệu Compap Presario CQ40 rồi đi đến chỗ D đứng đợi. Sau đó cả hai đưa máy tính vừa trộm được đến nhà Nguyễn Văn Đ để gửi. Đến 11 giờ ngày 17/11/2017, H và D đến nhà Đ lấy máy tính đưa đến gửi ở nhà của Nguyễn Văn T.

Hội đồng định giá tài sản huyện L tiến hành định giá và kết luận: Máy tính xách tay nhãn hiệu Compap Presario CQ40 do H và D trộm cắp có giá trị 1.300.000đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy tiến hành tạm giữ một xe máy điện nhãn hiệu ESPERO XMEN, BKS 73MĐ8-009.14; một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Quang H; một máy tính xách tay nhãn hiệu Compap Presario CQ40; một xe máy điện nhãn hiệu Việt Thái BKS 73MĐ8- 008.89; một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy và đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Về dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị mất và không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSNDLT ngày 06/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã truy tố các bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D về "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Qua tranh luận tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, các Điều 31, 68, 69 và 73; các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với hai bị cáo H và D. Riêng bị cáo H áp dụng thêm tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Võ Thanh D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho hai bị cáo nhất trí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các chính sách quy định đối với người chưa thành niên phạm tội và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo "người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Võ Thanh D từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D đều khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu, lén lút trộm cắp các tài sản có trị giá 14.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn H đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, trong đó có hai lần trị giá tài sản trên 2.000.000đồng, bị cáo Võ Thanh D thực hiện hai lần trộm cắp trong đó có một lần trị giá tài sản trên 2.000.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành "Tội trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều khoản có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Do đó, việc khởi tố, điều tra của Cơ quan Điều tra Công an huyện Lệ Thủy và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn; gây hoang mang lo lắng, nghi ngờ lẫn nhau trong nhân dân. Xét vai trò thực hiện và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo: Trần Văn H thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, giá trị trộm cắp cũng nhiều hơn đồng phạm, trong 3 lần trộm cắp tài sản, một lần bị cáo chủ động thực hiện hành vi phạm tội một mình, còn 2 lần có đồng phạm bị cáo H là người chủ động rủ rê. Trong 3 lần thì có hai lần trộm cắp có giá trị tài sản trên 2.000.000đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Võ Thanh D đồng phạm với vai trò giúp sức và cũng là người thực hành trong vụ trộm cắp xe máy điện. Cả hai lần trộm cắp thì có một lần có giá trị tài sản trên hai triệu đồng.

Các bị cáo là những học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, bị cáo H đang học đến lớp 11 thì nghỉ học sau khi phạm tội, bị cáo D đang học lớp 11 nhưng các bị cáo không chịu khó học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng mục đích cá nhân nên đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu, trộm cắp các tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy cần có một mức án

tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, các bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội cả hai bị cáo đều đã tác động đến gia đình và mẹ của hai bị cáo đã trả lại số tiền 1.500.000đồng cho chị Nguyễn Thị Thu H, mẹ của bị cáo Trần Văn H trả 400.000đồng cho chị Trần Thị N. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận được đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo của người bị hại bà Đào Thị Ng và anh Nguyễn Quang H. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, g, h, và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Bị cáo H và D đều phạm tội ở độ tuổi vị thành niên, mức độ nhận thức có phần hạn chế nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục là vừa phải tạo điều kiện cho các bị cáo học tập, tu dưỡng và rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp với Điều 31, Điều 68, các khoản 1, 3 Điều 69, Điều 73 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa.

Trong vụ án có chị Nguyễn Thị Thu H là người mua xe máy điện do các bị cáo trộm cắp đem đến bán và chị Trần Thị N là người mua điện thoại di động do các bị cáo trộm cắp đưa đến bán nhưng những người này không biết đó là tài sản do trộm cắp nên không phạm tội.

[2].Về dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[4].Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo vị thành niên, người đại diện hợp pháp của bị cáo và những người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 ; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 31, 68, khoản 1, 3 Điều 69 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12(mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 31, 68, khoản 1, 3 Điều 69 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Võ Thanh D 09 (chín)tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao 2 bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử bị cáo Trần Văn H và Võ Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/4/2018); người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt được được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy
- Sở Tư pháp t.Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS
- Lưu HS,VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Nhàn